

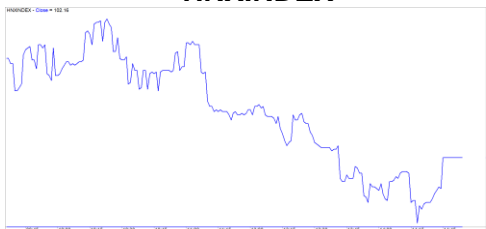
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	965.03	102.16	56.06
% ngày	0.16%	-0.43%	0.45%
% tuần	0.58%	-0.19%	1.05%
% tháng	-0.59%	-0.33%	0.72%
% năm	8.12%	-1.99%	6.11%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	2,887	585	268
TB 1 tuần	3,680	521	250
TB 1 tháng	4,503	383	235
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	300.47	3.57	9.83
Bán	227.15	4.53	1.20
Giá trị ròng	73.31	-0.95	8.64
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	149	62	180
Mã Giảm	146	65	114
Không Đổi	95	244	609
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.74	9.16	16.96
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,296	193	932
LS Cổ tức	2.29%	4.26%	4.11%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên tăng điểm nhưng biên độ tăng không đáng kể. Cụ thể, chỉ số đóng cửa tăng 0.16% dừng tại 965.03 điểm. Chỉ số HNX-Index ngược lại giảm 0.43% neo tại 102.16 điểm trong khi Upcom-Index tăng 0.45% chốt tại 56.06 điểm. Giá trị giao dịch đạt hơn 2,750 tỷ đồng khớp lệnh trên cả 3 sàn.

Chỉ số VN30-Index tiếp tục duy trì xung lực tăng mạnh kể từ phiên cuối tuần bất chấp ROS giảm sàn. Cổ phiếu này tiếp tục giảm sàn phiên thứ 3 liên tiếp với dư bán sàn hôm nay đạt gần 16 triệu cp. Tuy nhiên, nhiều bluechip khác lại giao dịch khá tích cực, nổi bật VRE bật tăng 3.3% nhưng đồ thị giá vẫn đang ở trạng thái đi ngang với biên trên tương ứng đỉnh cũ quanh 38,000 đồng/cp. Nhóm Ngân hàng có sự luân phiên ở đà tăng với EIB(+5.3%), CTG(+1.9%), VCB(+1.4%), TCB(+1.1%) tăng giá trong khi BID, HDB giảm rất nhẹ. Ngoài ra, đóng góp vào đà tăng còn phải kể đến đà tăng tích cực tại REE(+2.1%), FPT(+1.7%), VHM(+1.2%), NVL(+1%)...

Nhóm Mid-Cap phân hóa mạnh trong đó nổi bật VSC(+1.7%) với thanh khoản duy trì ở mức cao đạt 230 nghìn cp. CTI(+5%) với thanh khoản đạt hơn 970 nghìn cp. Nhóm Small-Cap tiếp tục điều chỉnh mạnh với nhiều mã giảm hết biên độ như TNA, VRC, DCL, HVH, DAH...

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 81 tỷ đồng. CTG(45.8 tỷ), VRE(28.8 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, VIC(20.1 tỷ), VNM(13.7 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định mức 967 điểm. Đồng thời, nếu thị trường duy trì đà tăng và chỉ số VN-Index đóng cửa vượt mức 967 điểm thì xu hướng ngắn hạn sẽ rõ ràng hơn. Điểm tiêu cực là thanh khoản thị trường sụt giảm do cổ phiếu ROS mất thanh khoản, nhưng điều này cũng phản ánh thực chất về thanh khoản của thị trường. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ và vẫn duy trì trạng thái tiêu cực.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao và vừa phải thì cũng có thể xem xét mở vị thế mua mới với tỷ trọng khuyến nghị.

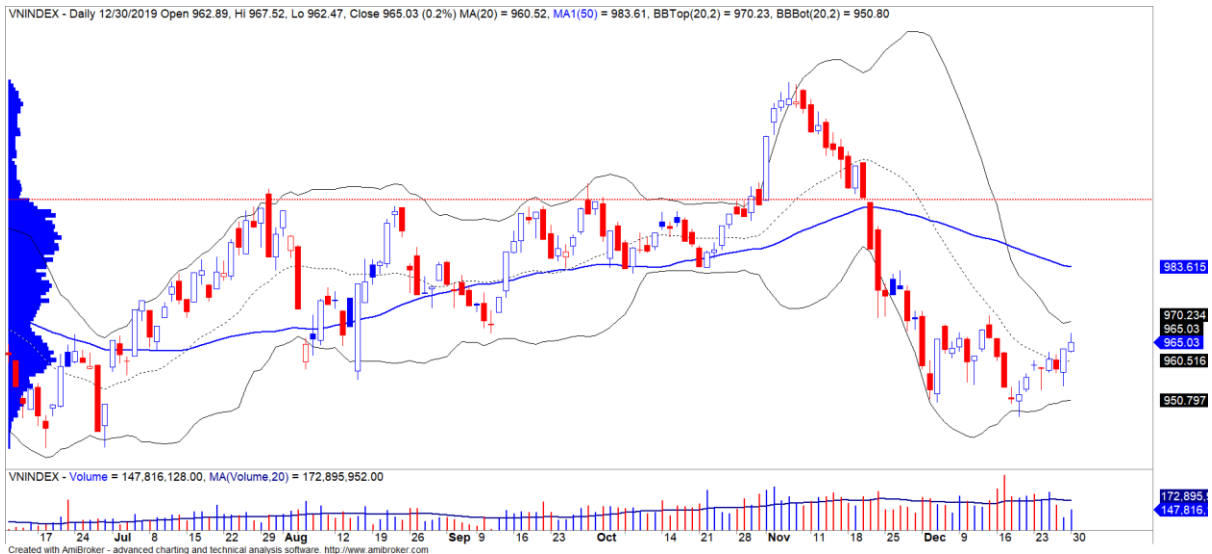
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 39% cổ phiếu/61% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
ACV	77.40	TĂNG	GIẢM	74.00	74.78	4.59%			78.74		
ANV	22.80	TĂNG	GIẢM	22.80	22.77	0.00%	MUA		25.57		
ASM	6.79	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BFC	11.70	GIẢM	GIẢM		12.60				13.64		
BID	46.10	TĂNG	TĂNG	41.90	42.90	10.02%		33.40	38.49	38.02%	
BMP	45.55	GIẢM	GIẢM		48.20			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.66				9.89		
BVH	69.40	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
BWE	22.95	GIẢM	GIẢM		24.40				25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	2.15%			9.80		
CII	22.60	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.57%	BÁN
CMG	35.20	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	51.72%	
CMX	14.70	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.05				14.97		
CTD	52.90	GIẢM	GIẢM		58.41				71.84		
CTG	21.05	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	2.18%			21.78		
CTR	39.10	GIẢM	N/A	43.30	40.08	-7.43%	BÁN	-	N/A		
CVT	20.75	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DCM	6.63	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGC	24.40	GIẢM	GIẢM		26.69			28.61	24.95	-12.80%	BÁN
DGW	23.10	TĂNG	GIẢM	23.25	21.46	-0.65%			25.77		
DHA	31.00	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-2.67%			32.52		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65			37.70	36.02	0.53%	
DHG	92.00	GIẢM	GIẢM		93.96				99.56		
DIG	13.60	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-2.86%			14.69		
DPG	41.30	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	38.50	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.60	-6.78%	
DQC	15.90	GIẢM	GIẢM		16.17				17.50		
DRC	23.45	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	8.56%	
DXG	14.65	TĂNG	GIẢM	14.60	13.68	0.34%			16.12		
EIB	17.80	TĂNG	TĂNG	17.80	17.60	0.00%	MUA	18.40	16.46	-3.26%	
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		



We Create Fortune

FMC	26.65	TĂNG	TĂNG	27.45	25.58	-2.91%		31.60	26.18	-15.66%	
FPT	58.60	TĂNG	TĂNG	57.00	55.76	2.81%		46.00	54.99	27.39%	
GAS	96.40	GIẢM	GIẢM		99.23				105.96		
GEX	19.35	GIẢM	GIẢM		20.10				21.00		
GIL	17.00	GIẢM	GIẢM		17.73				20.39		
GMD	23.30	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-1.27%			25.29		
GTN	18.00	GIẢM	GIẢM		21.32			15.00	19.49	29.94%	BÁN
GVR	10.20	GIẢM	N/A		11.53				N/A		
HAG	4.02	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	4.15%			4.22		
HAX	16.50	GIẢM	GIẢM		17.27				20.93		
HBC	10.85	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	1.40%			12.34		
HCM	20.95	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDB	26.90	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HDC	23.90	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	3.46%		15.25	20.25	56.72%	
HDG	30.15	GIẢM	GIẢM		31.80				34.59		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	23.65	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-0.84%	
HSG	7.95	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.58%	
HT1	15.00	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-11.24%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM	2.40	2.38	-0.87%	BÁN		2.71		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	1.31%		15.35	14.00	0.65%	
KDH	27.00	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	12.50%	
KSB	17.25	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-2.82%			19.42		
LCG	8.34	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-2.34%			8.76		
LDG	8.85	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LHG	15.35	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.59	0.00%	MUA		8.05		
MBB	20.95	GIẢM	GIẢM		21.54				23.04		
MPC	21.80	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	8.46%			23.55		
MSN	57.10	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MSR	16.20	TĂNG	TĂNG	14.40	14.53	12.50%			16.05		
MWG	114.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	0.53%			122.49		
NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	-0.57%		13.70	16.27	26.28%	
NKG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	6.07	-2.95%	
NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.42	0.55%		28.70	26.30	-4.18%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	23.90	TĂNG	TĂNG	24.40	22.85	-2.05%		24.20	23.88	-1.24%	MUA
NVL	58.50	TĂNG	GIẢM	57.90	54.71	1.04%			60.29		

We Create Fortune

OIL	8.00	GIẢM	GIẢM		8.77			10.36		
PAC	25.00	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-3.10%		27.71		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		18.12			19.87		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	26.45	24.74	0.00%	29.00	25.19	-8.79%	
PHR	38.50	GIẢM	GIẢM		44.50			55.36		
PLX	56.00	GIẢM	GIẢM		57.05			60.01		
PNJ	86.50	TĂNG	TĂNG	84.70	83.02	2.13%	77.07	78.71	12.23%	
POW	11.50	GIẢM	GIẢM		12.51			13.71		
PVT	16.90	GIẢM	TĂNG		16.94		18.30	16.28	-7.65%	
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	26.81	26.31	0.71%	28.40	24.39	-4.93%	
PTB	70.50	GIẢM	TĂNG		72.20		64.00	68.51	10.16%	
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		19.03			20.71		
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20			16.61		
PVI	30.10	GIẢM	GIẢM		31.71			33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%		19.30		
PXS	5.59	TĂNG	TĂNG	5.78	5.31	-3.29%	6.20	4.88	-9.84%	
QNS	28.10	GIẢM	GIẢM		29.14		33.80	28.38	-16.04%	
REE	36.65	GIẢM	TĂNG		36.82		33.33	35.23	9.98%	
SAB	230.00	GIẢM	GIẢM		237.96			255.31		
SAM	8.18	TĂNG	TĂNG	8.15	7.97	0.37%	7.40	7.58	10.54%	
SCR	5.96	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	0.51%	6.33	5.21	-5.85%	
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	23.03%	
SJS	17.20	TĂNG	TĂNG	17.00	15.66	1.18%	17.00	16.88	1.18%	MUA
SKG	12.85	TĂNG	TĂNG	11.60	11.85	10.78%	12.30	11.70	4.47%	MUA
SSI	18.15	GIẢM	GIẢM		18.80			20.66		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28			10.80		
TCB	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	23.36	0.00%	MUA	24.80		
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM		19.64			22.18		
TDH	10.05	GIẢM	GIẢM		10.16			11.11		
TLH	4.49	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	10.59%	4.48	3.63	0.22%	
TNG	15.20	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	0.66%		16.69		
VCB	91.00	TĂNG	TĂNG	87.50	85.63	4.00%	62.00	84.02	46.77%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-0.37%	19.20	25.47	40.10%	
VCS	71.10	GIẢM	GIẢM		83.47			91.56		
VGC	18.20	GIẢM	GIẢM		18.37			19.34		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.67			8.95		
VHC	39.50	GIẢM	GIẢM		40.07			83.84		
VHM	85.50	GIẢM	GIẢM		86.95			94.97		
VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	0.57%	17.70	16.56	-1.13%	

We Create Fortune

VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.46			112.00	113.76	2.68%	
VIP	4.96	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	144.40	TĂNG	TĂNG	144.40	144.27	0.00%	MUA	124.50	138.01	15.98%	
VND	14.35	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.77%			14.88		
VNG	19.40	GIẢM	GIẢM		19.88				21.64		
VNM	116.50	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	19.80	GIẢM	GIẢM		19.96				21.30		
VPI	42.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	1.69%	
VRC	18.00	GIẢM	GIẢM		21.14			17.30	21.51	24.32%	BÁN
VRE	34.50	TĂNG	TĂNG	34.50	33.79	0.00%	MUA	35.05	32.08	-1.57%	
VSC	27.45	TĂNG	TĂNG	25.45	25.61	7.86%		27.00	26.67	1.67%	MUA

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
BID	46.10	TĂNG	TĂNG	41.90	42.90	10.02%		33.40	38.49	38.02%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.66				9.89		
BVH	69.40	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
CTG	21.05	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	2.18%			21.78		
FPT	58.60	TĂNG	TĂNG	57.00	55.76	2.81%		40.23	54.99	45.68%	
GAS	96.40	GIẢM	GIẢM		99.23				105.96		
GEX	19.35	GIẢM	GIẢM		20.10				21.00		
GVR	10.20	GIẢM	N/A		11.53				N/A		
HDB	26.90	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	23.65	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-0.84%	
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	27.00	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	12.50%	
MBB	20.95	GIẢM	GIẢM		21.54				23.04		
MSN	57.10	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MWG	114.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	0.53%			122.49		
NVL	58.50	TĂNG	GIẢM	57.90	54.71	1.04%			60.29		
OIL	8.00	GIẢM	GIẢM		8.77				10.36		
PLX	56.00	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	86.50	TĂNG	TĂNG	84.70	83.02	2.13%		77.07	78.71	12.23%	
POW	11.50	GIẢM	GIẢM		12.51				13.71		

We Create Fortune

QNS	28.10	GIẢM	GIẢM		29.14			33.26	28.38	-14.67%	
REE	36.65	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	9.98%	
ROS	18.60	GIẢM	GIẢM		21.49				26.17		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.58			17.50	17.46	5.71%	
SSI	18.15	GIẢM	GIẢM		18.80				20.66		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.45	TĂNG	GIẢM	23.45	23.36	0.00%	MUA		24.80		
TPB	21.10	GIẢM	GIẢM		21.53				23.94		
VCB	91.00	TĂNG	TĂNG	87.50	85.63	4.00%		62.00	84.02	46.77%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.40	-0.37%		18.44	25.47	45.87%	
VCS	71.10	GIẢM	GIẢM		83.47				91.56		
VEA	45.00	GIẢM	GIẢM		45.35				59.45		
VGI	25.00	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-6.72%			N/A		
VHM	85.50	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		
VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	0.57%		15.00	16.56	16.63%	
VIC	115.00	GIẢM	TĂNG		117.46			112.00	113.76	2.68%	
VJC	144.40	TĂNG	TĂNG	144.40	144.27	0.00%	MUA	124.50	138.01	15.98%	
VNM	116.50	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	19.80	GIẢM	GIẢM		19.96				21.30		
VRE	34.50	TĂNG	TĂNG	34.50	33.79	0.00%	MUA	35.05	32.08	-1.57%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ANV	22.80	TĂNG	GIẢM	22.80	22.77	0.00%	MUA		25.57		
ASM	6.79	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BMI	24.80	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-7.12%	
BMP	45.55	GIẢM	GIẢM		48.20			48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BWE	22.95	GIẢM	GIẢM		24.40				25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	2.15%			9.80		
CII	22.60	GIẢM	TĂNG		23.01			24.45	22.23	-7.57%	BÁN
CRE	24.60	TĂNG	GIẢM	24.20	23.73	1.65%			24.70		
CTI	22.90	TĂNG	GIẢM	21.80	19.29	5.05%			24.05		
CTR	39.10	GIẢM	GIẢM	43.30	40.08	-7.43%	BÁN		50.54		
D2D	79.10	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-4.81%	
DBD	54.90	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	42.04%	



We Create Fortune

DCM	6.63	GIẢM	GIẢM		6.78			7.15		
DGW	23.10	TĂNG	GIẢM	23.25	21.46	-0.65%		25.77		
DHC	37.90	GIẢM	TĂNG		39.65		37.70	36.02	0.53%	
DIG	13.60	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-2.86%		14.69		
DPG	41.30	GIẢM	GIẢM		43.55			49.82		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.52			14.36		
DRC	23.45	GIẢM	TĂNG		23.57		21.60	21.25	8.56%	
DXG	14.65	TĂNG	GIẢM	14.60	13.68	0.34%		16.12		
E1VFN30	14.66	GIẢM	GIẢM		14.74			15.42		
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FLC	4.58	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	-0.65%	4.63	4.02	-1.08%	
GEG	26.90	GIẢM	TĂNG		27.19		12.50	25.77	115.16%	
GMD	23.30	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-1.27%		25.29		
GTN	18.00	GIẢM	GIẢM		21.32		15.00	19.49	29.94%	BÁN
HAG	4.02	TĂNG	GIẢM	3.86	3.86	4.15%		4.22		
HBC	10.85	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	1.40%		12.34		
HCM	20.95	GIẢM	GIẢM		21.89			24.43		
HDC	23.90	TĂNG	TĂNG	23.10	23.48	3.46%	15.25	20.25	56.72%	
HDG	30.15	GIẢM	GIẢM		31.80			34.59		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.95	GIẢM	TĂNG		8.30		7.75	7.30	2.58%	
HT1	15.00	GIẢM	TĂNG		15.37		16.90	13.91	-11.24%	
HTM	17.80	TĂNG	GIẢM	16.00	16.56	11.25%		18.47		
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.64			21.22		
IDI	5.20	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-4.59%		5.89		
IJC	15.80	TĂNG	TĂNG	14.65	15.37	7.85%	13.10	12.68	20.61%	
ITA	2.75	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-4.18%		3.09		
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	1.31%	14.85	14.00	4.06%	
KDC	19.50	TĂNG	TĂNG	19.50	18.14	0.00%	20.82	18.08	-6.32%	
KOS	27.80	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.73%	26.30	25.20	5.70%	
KSB	17.25	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-2.82%		19.42		
LDG	8.85	GIẢM	GIẢM		8.94			10.22		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.59	0.00%	MUA	8.05		
MBG	22.70	TĂNG	GIẢM	31.00	21.93	-26.77%		39.37		
MBS	14.90	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	1.36%		15.75		
MPC	21.80	TĂNG	GIẢM	20.10	19.98	8.46%		23.55		
NBB	20.25	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.04		7.11	6.07	-2.95%	

We Create Fortune

NLG	27.50	TĂNG	TĂNG	27.35	26.42	0.55%		26.28	26.30	4.64%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	23.90	TĂNG	TĂNG	24.40	22.85	-2.05%		24.20	23.88	-1.24%	MUA
NVB	9.40	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	23.68%		8.50	8.62	10.59%	
OGC	3.51	GIẢM	GIẢM	3.75	3.51	-6.27%	BÁN		4.07		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	26.45	24.74	0.00%		23.59	25.19	12.10%	
PHR	38.50	GIẢM	GIẢM		44.50				55.36		
PPC	27.00	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-4.59%		28.40	24.39	-4.93%	
PTB	70.50	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	15.99%	
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.10	GIẢM	GIẢM		31.71				33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%			19.30		
PVT	16.90	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-2.34%	
QCG	4.02	GIẢM	GIẢM		4.28				4.80		
SCR	5.96	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	0.51%		6.33	5.21	-5.85%	
SGP	7.10	GIẢM	GIẢM		7.38				9.24		
SHB	6.40	TĂNG	GIẢM	6.40	5.95	0.00%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		7.96			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	17.50	TĂNG	GIẢM	17.85	16.93	-1.96%			19.60		
TCH	32.10	TĂNG	TĂNG	30.05	29.48	6.82%		26.15	25.36	22.75%	
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM		19.64				22.18		
TDH	10.05	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TNG	15.20	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	0.66%			16.69		
TTB	4.27	GIẢM	GIẢM		4.78				7.60		
VGC	18.20	GIẢM	GIẢM		18.37				19.34		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.67				8.95		
VHC	39.50	GIẢM	GIẢM		40.07				83.84		
VND	14.35	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.77%			14.88		
VNG	19.40	GIẢM	GIẢM		19.88				21.64		
VPI	42.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	1.69%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.70	TĂNG	GIẢM	8.30	7.69	4.82%			8.97		
AGR	3.36	GIẢM	GIẢM		3.57				4.02		

We Create Fortune

AMD	2.02	GIẢM	GIẢM		2.50			1.70	2.17	27.40%	BÁN
APG	9.50	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	8.45%		9.90	8.56	-4.04%	
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		3.12			2.30	2.09	4.35%	
BCG	8.07	GIẢM	TĂNG		8.47			6.39	7.47	26.29%	
C4G	6.50	TĂNG	GIẢM	6.30	5.89	3.17%			6.98		
C69	8.60	GIẢM	GIẢM	10.80	8.96	-17.06%	BÁN		15.84		
CCL	8.15	TĂNG	TĂNG	6.80	7.42	19.85%		7.88	5.66	3.43%	
CVT	20.75	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	9.58	GIẢM	GIẢM		11.36				11.27		
DLG	2.00	TĂNG	TĂNG	1.80	1.81	11.11%		1.71	1.40	16.96%	
DRH	4.27	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83		
DTD	10.50	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-5.41%			12.54		
EVG	2.61	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FIT	10.00	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	122.72%		3.64	7.29	174.73%	
FTM	1.94	GIẢM	GIẢM		2.36				4.30		
FUES SV50	12.65	GIẢM	GIẢM		12.66				13.11		
GKM	15.20	TĂNG	TĂNG	15.00	14.59	1.33%		14.90	13.99	2.01%	
HAH	11.80	GIẢM	GIẢM		12.24				13.63		
HAI	3.03	GIẢM	GIẢM		3.88			1.88	3.16	68.18%	
HAR	3.80	GIẢM	GIẢM		4.52			3.90	3.89	-0.16%	BÁN
HDA	10.10	GIẢM	GIẢM		10.69				11.53		
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	0.00%			13.13		
HHS	3.16	GIẢM	TĂNG		3.45			3.36	2.97	-5.95%	
HID	2.45	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	3.81%		2.63	2.16	-6.84%	
HII	9.68	GIẢM	GIẢM		10.05				11.16		
HQC	1.11	GIẢM	TĂNG	1.23	1.16	-5.82%	BÁN	1.16	0.94	-4.31%	
HSL	7.50	GIẢM	GIẢM		8.00				8.77		
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM	2.40	2.38	-0.87%	BÁN		2.71		
HVG	8.17	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	4.48%		3.90	6.94	109.49%	
HVH	15.95	GIẢM	GIẢM		18.76				19.76		
IDJ	6.20	GIẢM	TĂNG		6.44			7.20	5.42	-13.89%	
JVC	3.40	GIẢM	GIẢM		3.79				4.46		
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.40	1.60	14.29%		1.50	1.31	6.67%	
LCG	8.34	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-2.34%			8.76		
LGL	7.70	GIẢM	GIẢM		8.33				9.42		
LHG	15.35	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LMH	9.17	GIẢM	GIẢM		10.93				13.67		
MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	52.94%	



We Create Fortune

NDN	17.30	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	-0.57%		13.10	16.27	32.02%	
PHC	11.30	TĂNG	GIẢM	11.30	10.47	0.00%			11.99		
PLP	9.50	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		19.03				20.71		
PVC	6.70	GIẢM	TĂNG		6.95		6.70	6.66	0.00%		
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.34			1.46			
PXL	8.10	GIẢM	TĂNG		8.17		6.70	6.64	20.90%		
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22		5.77	8.30	49.17%		
SJF	2.22	GIẢM	GIẢM		2.35			2.74			
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.20			2.60			
TDC	8.50	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-2.86%			9.04		
TIG	6.50	GIẢM	TĂNG		7.05		3.20	5.49	103.13%		
TLH	4.49	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	10.59%		4.48	3.63	0.22%	
TNA	20.25	GIẢM	GIẢM		24.14		11.45	22.98	100.72%		BÁN
TNI	10.50	GIẢM	TĂNG		10.75		10.90	9.99	-3.67%		
TSC	2.88	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	-2.37%			3.45		
TTF	2.65	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-3.28%			3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.73			3.02			
TVC	17.50	TĂNG	TĂNG	16.90	17.16	3.55%		14.30	15.13	22.38%	
VC3	16.60	GIẢM	TĂNG		17.24		22.00	16.32	-24.55%		
VCR	11.80	GIẢM	GIẢM		12.98			18.53			
VNA	3.10	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-11.43%			4.40		
VNE	3.58	GIẢM	GIẢM		3.81			3.70			
VRC	18.00	GIẢM	GIẢM		21.14		17.30	21.51	24.32%		BÁN



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	965.03	0.16%
VN30	880.29	0.45%
VN Mid	929.53	-0.01%
VN Small	781.94	-0.86%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.16	-0.43%
HN30	178.75	-1.40%
VNX AllSh	847.06	0.32%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.06	0.45%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	300.47	
Bán	227.15	
GT rỗng	73.31	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.57	
Bán	4.53	
GT rỗng	-0.95	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.83	
Bán	1.20	
GT rỗng	8.64	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EIB	900	5.33%
CTI	1100	5.05%
SKG	550	4.47%
VRE	1100	3.29%
CII	600	2.73%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSC	600	1.99%
PTI	200	1.08%
VCG	100	0.37%
ACB	0	0.00%
CEO	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ADG	4600	5.20%
VEA	1700	3.93%
C4G	100	1.56%
MSR	200	1.25%
PXL	100	1.25%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	-2000	-6.99%
TNA	-1500	-6.90%
HAI	-220	-6.77%
ROS	-1350	-6.77%
HQC	-70	-5.93%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	-7900	-10.00%
MBG	-2500	-9.92%
L14	-3000	-4.29%
HUT	-100	-4.17%
PVI	-800	-2.59%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	-1200	-2.98%
GVR	-300	-2.86%
QNS	-600	-2.09%
LPB	-100	-1.30%
VIB	-200	-1.13%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,386	
VCB	337,508	
VHM	281,253	
VNM	202,871	
BID	185,415	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,603	
VCG	11,882	
VCS	11,376	
PVS	8,364	
SHB	7,700	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	167,753	
VEA	58,958	
MCH	50,891	
GVR	41,064	
BCM	30,969	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	13,320,960	10,154,050
DLG	11,129,470	8,156,569
SCR	10,769,996	2,232,201
FIT	7,015,230	2,694,334
HQC	5,637,500	5,251,491

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	6,453,871	2,356,106
VCG	6,341,397	175,100
ART	3,751,748	2,793,083
VIX	2,201,500	28,510
KLF	2,012,062	3,169,201

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
QNS	5,247,356	119,488
BSR	876,553	1,412,675
CC1	701,100	624
LPB	672,946	310,446
GVR	488,220	460,294

Nguồn: Bloomberg & YSVN

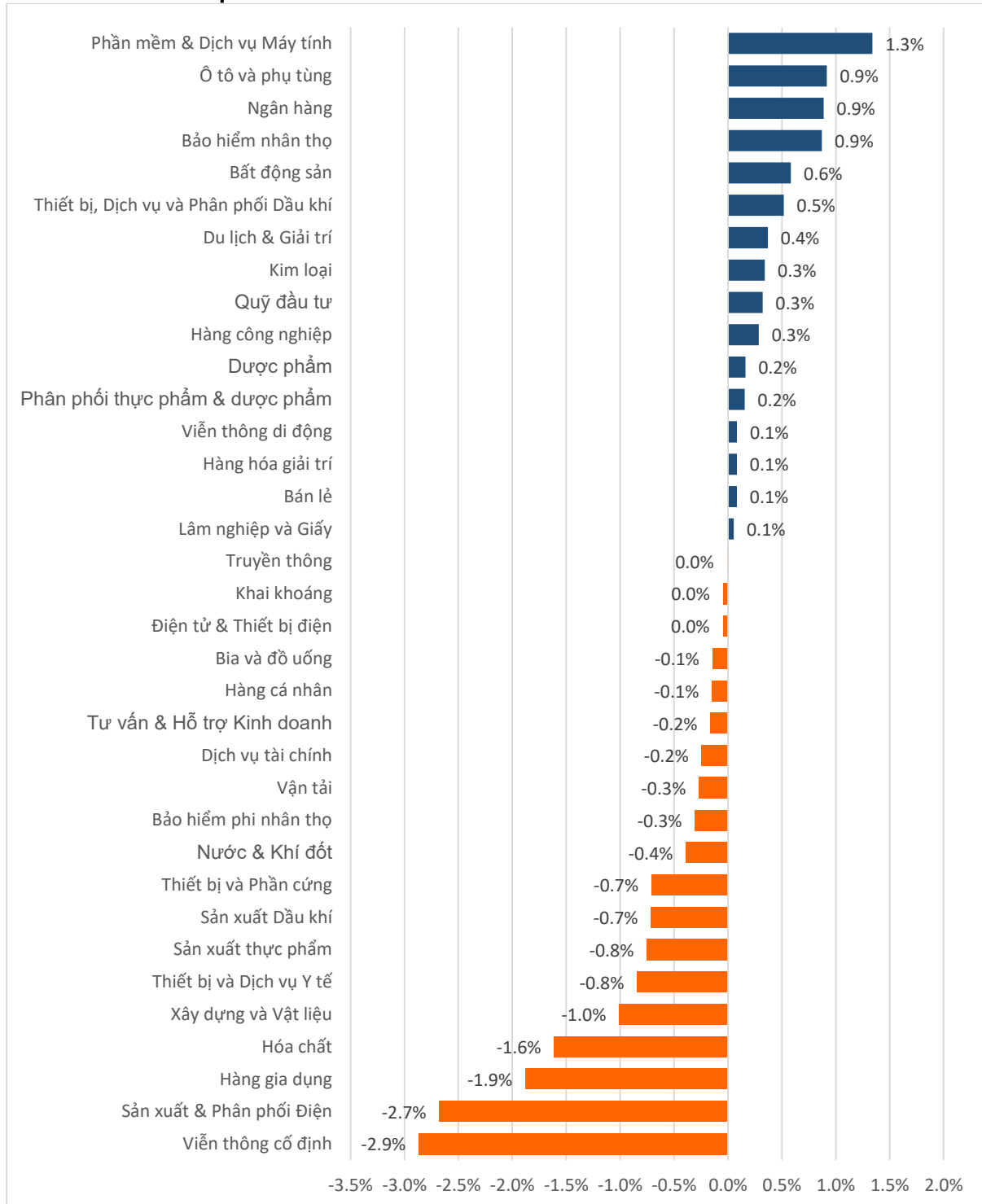
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



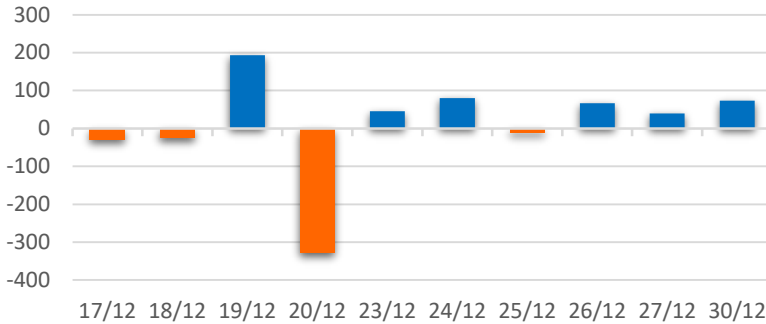
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

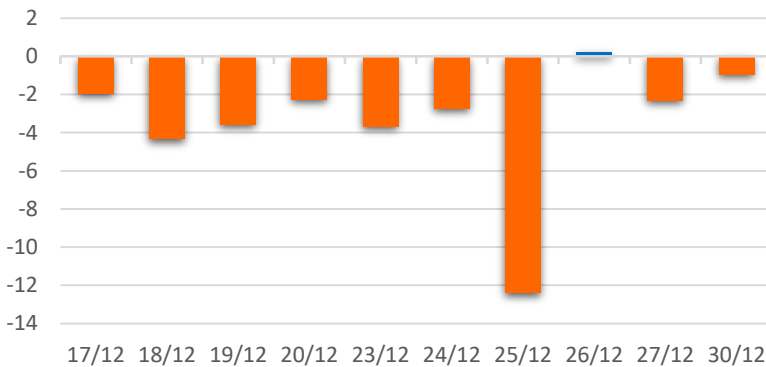
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	45,814	VIC	20,115
VRE	28,807	VNM	13,725
MSN	18,137	POW	10,118
VCB	10,067	HDB	9,504
VJC	7,329	KDC	4,799

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

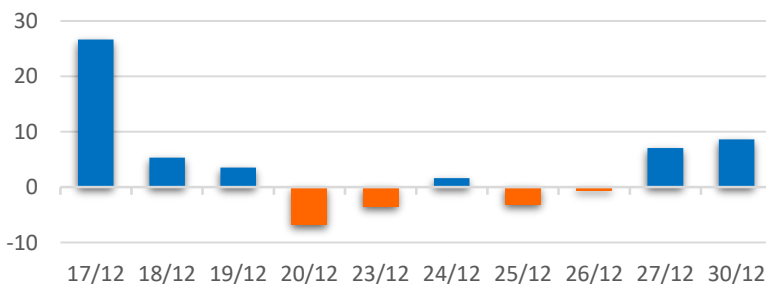
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	809	PVS	2,552
SHS	718	NTP	492
VCS	361	VNR	467
HDA	337	DNP	137
TIG	306	TVC	131

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	5,888	QNS	223
ACV	1,368	CTR	139
BCM	873	HPP	136
MCH	598	C4G	32
LTG	211	KDF	31

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



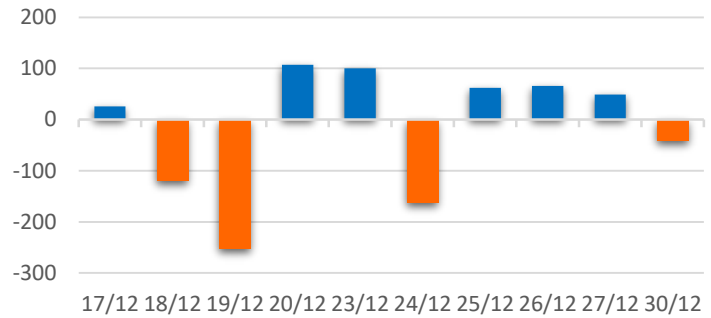
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

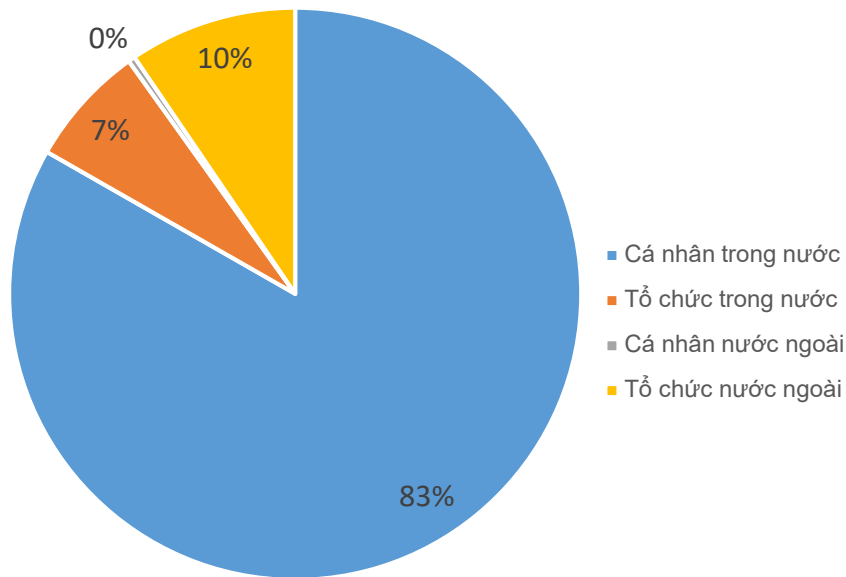
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	3,163	FPT	20,010
HPG	3,046	MWG	10,644
VHM	2,488	PHC	6,960
REE	2,399	TCB	4,800
PNJ	2,089	E1VFN30	4,360

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

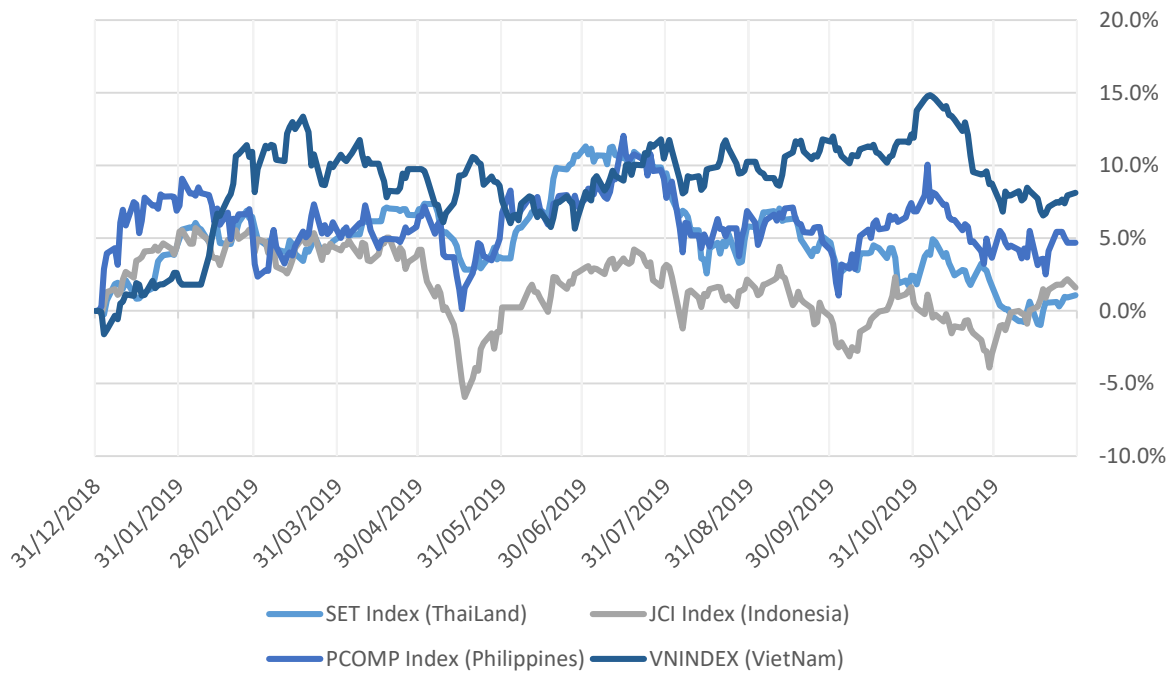


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

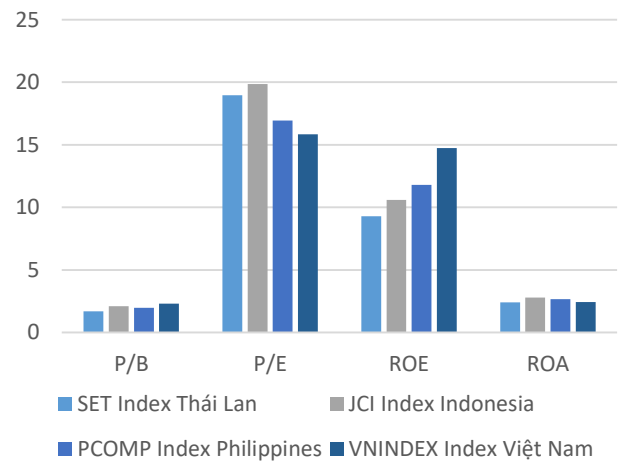
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.9x	16.9x	15.8x
ROE	%	9.28	10.59	11.79	14.74
ROA	%	2.41	2.78	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	554.51	526.00	192.98	141.91
GTGD	Triệu USD	1.13	0.29	0.09	0.08
LS cổ tức	%	3.26	2.40	1.60	1.94

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written